

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC NĂM 2021**

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán năm 2021 HĐND Tỉnh giao	Quyết toán năm 2021	So sánh (%)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	12.551.457.000.000	13.358.790.912.172	106,43
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	5.569.458.000.000	5.970.158.510.112	107,19
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC	5.221.337.000.000	4.340.945.703.078	83,14
I	Chi đầu tư phát triển	1.328.960.000.000	979.757.794.078	73,72
1	Chi đầu tư cho các dự án theo lĩnh vực	1.327.586.000.000	977.872.303.860	73,66
	Trong đó: - Chi an ninh, quốc phòng	41.578.000.000	20.133.779.000	48,42
	- Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	31.685.000.000	10.937.260.000	34,52
	- Chi Y tế, dân số và gia đình	60.504.000.000	88.122.206.000	145,65
	- Chi hoạt động quản lý nhà nước	119.740.000.000	87.833.996.000	
	- Chi Văn hóa thông tin, thể thao, PTTH	60.715.000.000	54.660.694.296	90,03
	- Chi các hoạt động kinh tế, môi trường	797.494.250.000	684.929.596.564	85,89
2	Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ làm dịch vụ công ích			
3	Chi trả nợ gốc vay	1.374.000.000	1.885.490.218	137,23
II	Chi thường xuyên	3.561.295.000.000	3.329.796.549.880	93,50
1	Chi quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội	207.709.000.000	238.910.951.830	115,02
2	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	850.812.000.000	786.529.157.049	92,44
3	Chi Khoa học và công nghệ	22.840.000.000	20.825.786.296	91,18
4	Chi Y tế, dân số và gia đình	1.171.316.000.000	1.193.866.648.666	101,93
5	Chi Văn hóa thông tin, thể thao, Phát thanh truyền hình	122.670.000.000	118.952.766.021	96,97
6	Chi kinh tế, môi trường	491.704.000.000	420.770.452.195	85,57
7	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	541.653.000.000	445.066.762.236	82,17
8	Chi đảm bảo xã hội	119.741.000.000	99.204.360.787	82,85
9	Chi nhiệm vụ khác	32.850.000.000	5.669.664.800	17,26
III	Chi trả nợ lãi, phí tiền vay theo quy định	7.200.000.000	761.981.927	10,58
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200.000.000	1.200.000.000	100,00
V	Dự phòng ngân sách	102.379.000.000		

TT	Nội dung chi	Dự toán năm 2021 HĐND Tỉnh giao	Quyết toán năm 2021	So sánh (%)
VI	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	220.303.000.000		
VII	Các nhiệm vụ chi khác	-	29.429.377.193	
C	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, HỖ TRỢ MỤC TIÊU	1.756.614.000.000	1.382.376.364.582	78,70
1	Chi các CTMT quốc gia; CTMT và hỗ trợ có mục tiêu	1.404.625.000.000	1.317.544.020.521	93,80
2	Chi từ vốn vay nước ngoài	351.989.000.000	64.832.344.061	18,42
D	CHI CHUYỂN NGUỒN		1.439.934.576.911	
E	NỘP TRẢ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	4.048.000.000	219.142.212.489	
F	CHI HỖ TRỢ ĐỊA PHƯƠNG KHÁC		1.500.000.000	
	Trong đó: - Hỗ trợ công tác phòng chống dịch covid-19 cho tỉnh Bắc Giang		500.000.000	
	- Hỗ trợ công tác phòng chống dịch covid-19 cho tỉnh Bắc Ninh		500.000.000	
	- Hỗ trợ công tác phòng chống dịch covid-19 cho tỉnh Phú Thọ		500.000.000	
G	CÁC KHOẢN GHI THU GHI CHI		4.733.545.000	